



Thanh Ba, ngày 20 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021, phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021, Phòng tài chính kế toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ một số nội dung chính sau đây:

I. Tình hình tài chính năm 2021:

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | Nội dung | Đơn vị | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|---------------------------------|--------|-----------|-----------|-------------|
| 1 | Sản lượng xi măng sản xuất | Tấn | 297.229 | 325.015 | ↑ 9,35% |
| 2 | Sản lượng Clinker sản xuất | Tấn | 202.260 | 216.850 | ↑ 7,21% |
| 3 | Sản lượng xi măng tiêu thụ | Tấn | 298.698 | 322.039 | ↑ 7,81% |
| 4 | Sản lượng Clinker tiêu thụ | Tấn | 0 | 0 | |
| 5 | Tổng tài sản | Tr.đ | 427.371 | 407.439 | ↓ 4,66% |
| - | Tài sản ngắn hạn | Tr.đ | 66.533 | 69.556 | ↑ 4,54% |
| - | Tài sản dài hạn | Tr.đ | 360.838 | 337.883 | ↓ 6,36% |
| 6 | Tổng nguồn vốn | Tr.đ | 427.371 | 407.439 | ↓ 4,66% |
| - | Nợ phải trả | Tr.đ | 601.539 | 607.528 | ↑ 1,0% |
| - | Nợ ngắn hạn | Tr.đ | 507.581 | 533.348 | ↑ 5,07% |
| - | Nợ dài hạn | Tr.đ | 93.958 | 74.180 | ↓ 21,05% |
| - | Vốn chủ sở hữu | Tr.đ | (174.168) | (200.089) | ↓ 14,88% |
| 7 | Doanh thu thuần | Tr.đ | 264.227 | 274.078 | ↑ 3,73% |
| 8 | Lợi nhuận | Tr.đ | (32.665) | (25.920) | ↑ 20,65% |
| 9 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | | 0,13 | 0,13 | |
| 10 | Khả năng thanh toán nhanh | | 0,08 | 0,07 | ↓ 12,5% |

2. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Trong những năm gần đây, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô... Do đó, hàng loạt dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản bị đình trệ. Khối lượng xây dựng giảm, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm, trong đó có xi măng. Năm 2021, mặc dù chưa hoàn toàn thoát khỏi những khó khăn nhưng lĩnh vực xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi tích cực với sự phục hồi chung của nền kinh tế, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại, nhu cầu xây dựng của người dân tăng và việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách. Giá bán xi măng hiện nay chưa có biến động lớn Xi măng tại các nhà máy và giá bán lẻ xi măng trong năm 2021 có tăng so với cuối năm 2020. Giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 -1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 -1.850.000 đồng/tấn). Điều này một phần là do đẩy mạnh xuất khẩu, mặt khác do có sự điều chỉnh trong những năm vừa qua. Sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng cũng có nhiều chuyển biến. Khép lại năm 2021, ngành xi măng có kết quả với tổng sản phẩm tiêu thụ đạt 105,6 triệu tấn, tăng 5,4% so với năm 2020, riêng xi măng tiêu thụ nội địa đạt 59,8 triệu tấn, giảm 3,7% so với năm 2020, xuất khẩu đạt 45,8 triệu tấn tăng 20,5% so với năm 2020. Dự báo, tiêu thụ xi măng năm 2022 sẽ tăng trưởng từ 5 – 7%, sản lượng đạt 110 – 113 triệu tấn. *(Theo Số liệu của Hiệp hội xi măng báo cáo và đăng tải trên website ximang.vn).*

- Hoạt động của dây chuyền sản xuất cơ bản ổn định và phát huy được công suất của thiết bị. Chất lượng sản phẩm được giữ vững, sản phẩm của Công ty có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu “Xi măng Vĩnh Phú” chiếm được niềm tin của người tiêu dùng .

b. Khó khăn:

Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD: Dự báo năm 2022, tình hình kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đầu tư không có nhiều đột biến, thị trường bất động sản phục hồi chậm. Bên cạnh đó, dự báo năm 2022 nguồn cung xi măng ra thị trường sẽ tiếp tục tăng lên, công suất toàn ngành dự báo đạt 122 triệu tấn, ngành xi măng sẽ dư cung từ 8% - 15% so với nhu cầu tiêu thụ

nội địa, làm tăng áp lực tiêu thụ của của toàn ngành xi măng, đặc biệt là áp lực tiêu thụ trong xuất khẩu xi măng.

Ngoài những yếu tố thuận lợi giúp Công ty phát triển bền vững thì tình hình tài chính của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn:

- Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày hoạt động chưa đạt công suất thiết kế (60,2%), trong năm chỉ hoạt động được 193 ngày – 4.034 giờ.

- Giá thành sản xuất sản phẩm ở mức cao do nhiều yếu tố chủ quan lẫn khách quan, trong đó bị tác động do yếu tố kỹ thuật và quy trình công nghệ là chủ yếu.

- Các nhà cung cấp và nhà phân phối đang hạn chế cung cấp nguyên vật liệu đầu vào do không đáp ứng được các điều khoản thanh toán (nợ phải trả tăng) do không vay được vốn lưu động.

3. Quan hệ với các tổ chức tín dụng và các khách hàng :

| STT | Đối tượng khách nợ | Đơn vị | Công nợ tính đến 31/12/2021 |
|----------|--|-------------|-----------------------------|
| 1 | Gốc vay ngắn hạn | Đồng | 16.879.642.714 |
| - | Ngân hàng Vietinbank | Đồng | 97.500.000 |
| - | Ngân hàng BIDV | Đồng | 14.859.752.714 |
| 2 | Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân | Đồng | 22.735.728.707 |
| 3 | Gốc vay dài hạn trả các năm tiếp theo | Đồng | 217.775.138.310 |
| - | Ngân hàng Phát triển | Đồng | 95.689.272.092 |
| - | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển | Đồng | 59.352.540.571 |
| - | Ngân hàng Quốc tế | Đồng | 57.053.325.647 |
| - | Tổ chức, cá nhân khác | Đồng | 5.680.000.000 |
| 4 | Nợ lãi vay dài hạn | Đồng | 182.115.726.436 |
| - | Ngân hàng Quốc tế | Đồng | 49.490.100.549 |
| - | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển | Đồng | 34.805.202.004 |
| - | Ngân hàng Phát triển | Đồng | 97.820.423.883 |

Qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, phân tích khả năng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và đưa ra kế hoạch cụ thể cho năm 2022, để thực hiện được Công ty CP xi măng Phú Thọ cần số vốn lưu động tối thiểu từ 70 – 80 tỷ đồng. Mặc dù đã được các ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn ngắn hạn, tuy nhiên năm 2021 công ty vẫn thiếu hơn 60 tỷ đồng vốn lưu động trực tiếp phục vụ sản xuất. Việc thiếu vốn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, Công ty đã nhiều lần

phải ngừng sản xuất do không đủ nguyên vật liệu đáp ứng chạy dây truyền, do đó năng suất sản phẩm không cao trong khi đó chi phí cố định là không thay đổi làm tăng giá thành sản phẩm. Việc dừng lò thường xuyên cũng ảnh hưởng đến mức độ hoạt động ổn định và tuổi thọ của toàn bộ dây truyền. Để đảm bảo sản xuất, công ty phải mua nợ nguyên vật liệu, vật tư. Tuy nhiên, các nhà cung cấp hiện nay cũng không cho nợ thêm do số dư công nợ quá cao. Nhu cầu vốn lưu động tối thiểu năm 2022 dự kiến là 80 tỷ đồng. Như vậy, vốn ngắn hạn năm 2022 công ty thiếu gần 70 tỷ đồng.

Đồng thời, do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tiếp lỗ, bị xếp vào nhóm tín dụng xấu và mất khả năng trả nợ với các tổ chức tín dụng nên việc vay thêm vốn đầu tư dài hạn từ các ngân hàng là không khả thi. Mặt khác, toàn bộ tài sản đã thế chấp tại ngân hàng nên việc vay thêm vốn lưu động là không thể. Nếu việc bổ sung vốn lưu động thiếu hụt không được tiến hành kịp thời để duy trì sản xuất sẽ dẫn tới đóng cửa nhà máy, ảnh hưởng tới việc làm của gần 300 lao động, các thiệt hại do máy móc thiết bị ngừng hoạt động, thiệt hại toàn bộ chi phí khấu hao, chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn sẽ mất hoàn toàn nguồn thanh toán, ước tính tổng thiệt hại mỗi năm khoảng 54.000 triệu đồng (khấu hao 26.000 triệu đồng, lãi vay 24.000 triệu đồng, thực hiện chế độ đối với người lao động 5.300 triệu đồng,...). Toàn bộ nợ phải trả cho các Ngân hàng, các nhà thầu, các nhà cung cấp, cơ quan bảo hiểm và NSNN, tổng giá trị 607.528 triệu đồng sẽ không có khả năng hoàn trả, kéo theo hệ lụy về phong tỏa tài sản, kiện tụng, tranh chấp,... Toàn bộ hệ thống nhà phân phối và thị trường xi măng xây dựng từ trước đến nay sẽ bị phá vỡ.

II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Tình hình kinh tế - xã hội :

Năm 2022 được đánh giá là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành xi măng cả nước nói chung và xi măng Phú Thọ nói riêng. Theo đánh giá của Vụ vật liệu xây dựng, áp lực tiêu thụ xi măng năm 2022 cao hơn năm 2021 khi mà nguồn cung của thị trường tăng thêm do sự xuất hiện của các nhà máy xi măng mới công suất lớn, xuất khẩu có nhiều tín hiệu khả quan nhưng khả năng chưa đáp ứng được kỳ vọng , trong khi dự báo nhu cầu xi măng tiêu thụ nội địa năm 2022 tăng không đáng kể.

2. Mục tiêu, định hướng :

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là mục tiêu chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao

năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu “Xi măng Vĩnh Phú”.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | Tỷ lệ % |
|-----|-----------------------------|----------|----------------|---------------|---------|
| A | B | C | D | E | F=E/D |
| 1 | Sản lượng sản xuất sản phẩm | | | | |
| 1.1 | Clinker lò quay | Tấn | 216,850.00 | 220,000 | 101.45 |
| 1.2 | Xi măng bột PCB40 | Tấn | 266,688.66 | 234,759.64 | 88.03 |
| 1.3 | Xi măng bột PCB30 | Tấn | 58,326.35 | 62,371.08 | 106.93 |
| 1.4 | Xi măng bao PCB40 | Tấn | 258,183.85 | 246,934.00 | 95.64 |
| 1.5 | Xi măng bao PCB30 | Tấn | 57,629.50 | 64,178.00 | 111.36 |
| 1.6 | Đá khách hàng | M3 | 15,884.50 | 45,000 | 283.30 |
| 2 | Giá thành sản xuất sản phẩm | | | | |
| 2.1 | Clinker lò quay | Đ/tấn SP | 771,720 | 881,265 | 114.19 |
| 2.2 | Xi măng bột PCB40 | Đ/tấn SP | 686,792 | 822,094 | 119.70 |
| 2.3 | Xi măng bột PCB30 | Đ/tấn SP | 635,876 | 758,360 | 119.26 |
| 2.4 | Xi măng bao PCB40 | Đ/tấn SP | 777,925 | 930,813 | 119.65 |

| | | | | | |
|-----|----------------------------------|---------------------|------------|---------|--------|
| 2.5 | Xi măng bao PCB30 | D/tấn SP | 720,979 | 829,554 | 115.06 |
| 2.6 | Đá khách hàng | D/m ³ SP | 64,760 | 65,000 | 100.37 |
| 3 | Tổng giá thành sản xuất sản phẩm | Tr. đồng | 631,021 | 720,186 | 114.13 |
| 3.1 | Clinker lò quay | Tr. đồng | 167,347 | 193,878 | 115.85 |
| 3.2 | Xi măng bột PCB40 | Tr. đồng | 183,160 | 192,994 | 105.37 |
| 3.3 | Xi măng bột PCB30 | Tr. đồng | 37,088 | 47,300 | 127.53 |
| 3.4 | Xi măng bao PCB40 | Tr. đồng | 200,848 | 229,849 | 114.44 |
| 3.5 | Xi măng bao PCB30 | Tr. đồng | 41,550 | 53,239 | 128.13 |
| 3.6 | Đá khách hàng | Tr. đồng | 1,029 | 2,925 | 284.34 |
| 4 | Sản lượng tiêu thụ | | | | |
| 4.1 | Clinker lò quay | Tấn | - | 343 | - |
| 4.2 | Xi măng bột PCB40 | Tấn | 6,579.03 | 8,888.0 | 135.10 |
| 4.3 | Xi măng bột PCB30 | Tấn | - | - | - |
| 4.4 | Xi măng bao PCB40 | Tấn | 258,028.05 | 246,934 | 95.70 |
| 4.5 | Xi măng bao PCB30 | Tấn | 57,409.73 | 64,178 | 111.79 |

| | | | | | |
|-----|--------------------------------|----------|-----------|-----------|--------|
| 4.6 | Đá khách hàng | M3 | 14,833.50 | 45,000.00 | 303.37 |
| 5 | Doanh thu tiêu thụ sản phẩm | Tr. đồng | 274,079 | 319,609 | 116.6 |
| 5.1 | Clinker lò quay | Tr. đồng | - | 271 | - |
| 5.2 | Xi măng bột PCB40 | Tr. đồng | 4,991 | 7,685 | 153.99 |
| 5.3 | Xi măng bột PCB30 | Tr. đồng | - | - | - |
| 5.4 | Xi măng bao PCB40 | Tr. đồng | 218,253 | 247,380 | 113.35 |
| 5.5 | Xi măng bao PCB30 | Tr. đồng | 49,590 | 59,647 | 120.28 |
| 5.6 | Đá khách hàng | Tr. đồng | 1,372 | 2,925 | 213.13 |
| 5.7 | Chiết khấu, giảm trừ doanh thu | Tr. đồng | (647) | (231) | 35.70 |
| 5.8 | Doanh thu khác | Tr. đồng | 520 | 1,933 | - |
| 6 | Giá vốn hàng bán | Tr. đồng | 248,226 | 294,413 | 118.6 |
| 6.1 | Clinker lò quay | Tr. đồng | - | 302 | - |
| 6.2 | Xi măng bột PCB40 | Tr. đồng | 4,491 | 7,307 | 162.71 |
| 6.3 | Xi măng bột PCB30 | Tr. đồng | - | - | - |
| 6.4 | Xi măng bao PCB40 | Tr. đồng | 200,711 | 229,849 | 114.52 |



| | | | | | |
|-----|------------------------------|-------------|--------|--------|--------|
| 6.5 | Xi măng bao PCB30 | Tr. đồng | 42,473 | 53,239 | 125.35 |
| 6.6 | Đá khách hàng | Tr. đồng | 956 | 2,925 | 306.02 |
| 6.7 | Giá vốn khác | Tr. đồng | (404) | 791 | - |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr. đồng | 19,419 | 15,550 | 80.08 |
| 7.1 | - Chi phí nhân viên QLDN | Tr. đồng | 7,100 | 6,688 | 94.20 |
| 7.2 | - Chi phí vật liệu quản lý | Tr. đồng | 1,044 | 1,564 | 149.79 |
| 7.3 | - Chi phí CCDC quản lý | Tr. đồng | 448 | 368 | 82.16 |
| 7.4 | - Chi phí khấu hao TSCĐ | Tr. đồng | 498 | 530 | 106.54 |
| 7.5 | - Chi phí thuế, phí, lệ phí | Tr. đồng | 5,833 | 2,586 | 44.33 |
| 7.6 | - Chi phí dịch vụ mua ngoài | Tr. đồng | 4,497 | 3,814 | 84.82 |
| 8 | Chi phí bán hàng | Tr. đồng | 3,115 | 3,091 | 99.22 |
| 8.1 | - Chi phí nhân viên bán hàng | Tr. đồng | 1,935 | 2,041 | 105.46 |
| 8.2 | - Chi phí vật liệu bán hàng | Tr. đồng | | - | - |
| 8.3 | - Chi phí CCDC bán hàng | Tr. đồng | | - | - |
| 8.4 | - Chi phí khấu hao TSCĐ | Tr. đồng | | - | - |

| | | | | | |
|------|--------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| 8.5 | - Chi phí chào hàng, quảng cáo | Tr. đồng | 451 | 450 | 99.84 |
| 8.6 | - Chi phí vận chuyển, bốc dỡ | Tr. đồng | 609 | 480 | 78.81 |
| 8.7 | - Chi phí dịch vụ mua ngoài | Tr. đồng | 120 | 120 | 99.88 |
| 9 | Doanh thu tài chính | Tr. đồng | 1,052 | 1 | 0.11 |
| 10 | Chi phí tài chính | Tr. đồng | 29,990 | 32,265 | 107.58 |
| 10.1 | - Chi phí lãi vay | Tr. đồng | 30,107 | 32,265 | 107.17 |
| 10.2 | - Hoàn nhập dự phòng đầu tư | Tr. đồng | (116) | - | - |
| 11 | Thu nhập khác | Tr. đồng | 3 | 299 | 8,949.81 |
| 12 | Chi phí khác | Tr. đồng | 303 | 97 | 31.86 |
| 13 | Kết quả sản xuất kinh doanh | Tr. đồng | (25,920) | (25,506) | 98.40 |

(Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt)

3. Các giải pháp tài chính cần thực hiện trong năm 2022 :

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong những năm qua và Kế hoạch sản xuất kinh năm 2022, để giải quyết được vấn đề khó khăn về tài chính cần phải giải quyết được vấn đề mất cân đối nguồn vốn và lỗ lũy kế (lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 329.938 triệu đồng). Đây là vấn đề mấu chốt quan trọng cần phải thực hiện ngay. Đánh giá được các tồn tại, các hạn chế và các mặt chưa đạt được trong năm 2021, để kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được hoàn thành, các công việc trọng tâm cần phải thực hiện như sau:

+ Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí cố định đơn vị, sử dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô để tối đa hóa lợi nhuận gộp. Tăng chất lượng sản

phẩm bán ra và dịch vụ cung cấp để có thể bán hàng với giá cao hơn và cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ khác.

+ Tích cực thu hồi số công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước (trên 6 tỷ đồng) nhằm bù đắp số dự phòng phải thu khó đòi đã trích và hạn chế việc trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tới.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ cụ thể cho các nhà thầu xây lắp và các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc. sẵn sàng đổi diện và hoàn thành tốt công việc trong môi trường cạnh tranh, áp lực cao. Cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự các cấp để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính với biện pháp kinh tế (chính sách tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định về quản trị nội bộ, đặc biệt là việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư đối với từng công đoạn sản xuất kinh doanh; nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí nội bộ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo dự thảo tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2021, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên và đưa ra các ý kiến xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 tối ưu nhất giảm lỗ và lỗ lũy kế, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn như hiện nay.

Nơi nhân:

- Như trên;
- HĐQT;
- Trưởng ban KS;
- Lưu TCKT - VP.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trưởng phòng



Vũ Anh Phương